

Bản án số: **30** /2017/HSST

Ngày: 24-08-2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đắc Hoan.

2. Bà Lê Thị Niềm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị P Hồng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2017/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2017, đối với bị cáo:

Lê Thị Xuân T; Giới tính: Nữ; sinh ngày 07/01/1964 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Trú tại: 29 TP, phường PV, thành phố H tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Lê Văn X (đã chết) và bà Vũ Thị L (đã chết); Có chồng là Tổng Phước H (đã ly hôn); Con: 02 con (lớn 27 tuổi, nhỏ 14 tuổi); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 01/01/2017. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1962. Trú tại: 6/8 DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bà Hà Thị Thanh T, sinh năm 1971. Trú tại: 42 TP, phường PV, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984. Trú tại: 56 NVĐ, phường 7, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Đã ủy quyền cho bà Phạm Thị P, sinh năm 1958. Trú tại: Số 14 kiệt 49 HMT phường VD, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo giấy ủy quyền lập ngày 23/8/2017). Có mặt.

4. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1958. Trú tại: Số 14 kiệt 49 HMT phường VD, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1953. Trú tại: Lô B10 đường HHT, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Thị Xuân T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong thời gian từ tháng 4/2015 đến tháng 7/2016, Lê Thị Xuân T đã có thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 05 người để trả nợ cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể như sau:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1962, trú tại: 6/8 DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Do có mối quan hệ quen biết với nhau từ lâu, Lê Thị Xuân T đã gặp bà Trần Thị N và đưa ra những thông tin gian dối như vay tiền để mở quầy bán hàng Thái Lan tại nhà và đưa tiền cho người yêu của con gái góp vốn vào cửa hàng Thế giới di động tại Huế. Tin tưởng lời nói của T là thật, bà N đã đồng ý cho T vay tiền với lãi suất 5%/01 tháng. T chiếm đoạt để trả nợ cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 20/4/2015, bà N cho T vay số tiền 30.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 24/01/2016, bà N cho T vay số tiền 20.000.000 đồng.
- Lần 3: Khoảng đầu tháng 7/2016, bà N cho T vay số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 346/GĐ ngày 26/12/2016, Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:

1. Chữ viết mang tên Lê Thị Xuân T (T) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.1 đến A5.2 so với chữ viết của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Lê Thị Xuân T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 đến A5.2 so với chữ ký của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8 do cùng một người ký ra.

3. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.1, A1.2 so với chữ ký của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Như vậy, từ tháng 4/2015 đến tháng 7/2016, Lê Thị Xuân T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bà Trần Thị N với tổng số tiền là 60.000.000 đồng. T chưa bồi thường số tiền trên.

2. Bà Hà Thị Thanh T, sinh năm 1971; trú tại: 42 TP, phường PV, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vào khoảng giữa tháng 12 năm 2015, Lê Thị Xuân T đến nhà gặp chị T và giới thiệu có chồng là bác sĩ Tống Phước H để vay mượn tiền. T dùng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin như vay tiền Về sửa mái nhà làm công đức ở Chùa và đóng tiền cổ phần vào phòng khám NVT ở số 09 đường HN, H. Tin tưởng lời nói

của T, chị T đã đồng ý cho T vay tiền với lãi suất từ 3,3% đến 4%/01 tháng, thời gian từ 04 đến 05 tháng, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 20/12/2015, chị T cho T vay số tiền 60.000.000 đồng.

- Lần 2: Vào ngày 25/12/2015, Lê Thị Xuân T tiếp tục đến gặp chị T vay mượn số tiền 200.000.000 đồng để đóng tiền cổ phần vào phòng khám NVT. Để vay mượn được tiền, T đã lấy giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ 29 TP, phường PV, thành phố H (đứng tên ông Tống Phước H, chồng đã ly hôn) đưa cho chị T giữ để làm tin. Đến khoảng đầu tháng 7 năm 2016, ông Tống Phước H phát hiện mất Chứng nhận quyền sử dụng đất nên hỏi T. Sợ bị phát hiện, nên T đã đến gặp chị T nói dối là mượn lại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất để về làm thủ tục sang ra tên hai vợ chồng. Chị T tin tưởng nên đã đưa lại và T đem về nhà cất giữ không trả lại chị T.

Tại bản Kết luận giám định số 85/GĐ ngày 31/3/2017, Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Lê Thị Xuân T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết, chữ ký của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8 là do cùng một người viết và ký ra.

Như vậy, Lê Thị Xuân T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị T với tổng số tiền 260.000.000đ để trả nợ cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân. T chưa bồi thường số tiền trên.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984; trú tại: 56 NVĐ, Phường 7, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2015, thông qua mẹ ruột của mình là bà Phạm Thị P, nên bà Nguyễn Thị Ngọc H quen biết Lê Thị Xuân T. Sau đó, T dùng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin không có thật như: mở quầy bán hàng Thái Lan tại nhà, đưa tiền cho chồng mua thuốc tân dược ở ngoài vào bán lại cho Bệnh viện Trung ương Huế để kiếm lời và đưa tiền cho con gái đang du học ở Singapo để vay mượn tiền của bà Hân. Tin tưởng lời nói của T là có thật, nên từ ngày 19/02/2016 đến ngày 12/7/2016 bà Hân đã cho T vay mượn 13 lần, với tổng số tiền là 424.000.000 đồng, rồi T chiếm đoạt để trả nợ cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Lê Thị Xuân T đã hoàn trả cho bà H nhiều lần với tổng số tiền là 240.800.000đ. T chưa hoàn trả cho bà Hân số tiền 183.200.000 đồng.

4. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1958, trú tại: số 14 kiệt 49 HMT, phường VD, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Do có mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội, Lê Thị Xuân T đã nói dối với bà Phạm Thị P là vay mượn tiền để mở quầy tạp hóa bán tại nhà, mua Thuốc tân dược ở ngoài vào bán lại cho Bệnh viện Trung ương Huế (có chồng là bác sĩ Tống Phước Hội, đã ly hôn) để kiếm lời và cho tiền con gái là Tống Thị Thanh Thảo đi du học tại SiNpo. Tin tưởng lời nói của T là thật, từ ngày 15/4/2016 đến ngày 16/7/2016 bà P đã cho T vay mượn tiền 11 lần, với tổng số tiền là 286.000.000 đồng, lãi suất 10%/01 tháng, rồi T chiếm đoạt để trả nợ cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Lê Thị Xuân T đã hoàn trả cho bà P nhiều lần, với tổng số tiền là 48.000.000 đ. T còn chưa hoàn trả cho bà P với số tiền là 238.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 345/GĐ ngày 06/12/2016, Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên “Lê Thị Xuân T” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A11 so với chữ viết, chữ ký của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8 do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản Kết luận giám định số 346/GĐ ngày 26/12/2016, Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

1. Chữ viết mang tên Lê Thị Xuân T (T) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.1 đến A5.2 so với chữ viết của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Lê Thị Xuân T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 đến A5.2 so với chữ ký của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8 do cùng một người ký ra.

3. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.1, A1.2 so với chữ ký của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Ngoài ra, bà Phạm Thị P còn tố cáo Lê Thị Xuân T có nợ tiền đóng hui đến nay chưa trả. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bà P có đơn xin rút lại đơn tố cáo và không yêu cầu Cơ quan điều tra giải quyết, nên không có cơ sở để kết luận việc T nợ tiền đóng hui của bà P.

5. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1953; trú tại: Lô B10 đường HHT, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Do không có tiền để trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân, vào ngày 01/5/2016 Lê Thị Xuân T đến gặp và nói dối với bà Phạm Thị B là cần vay mượn tiền để góp vốn cùng với người bạn buôn bán hàng mã. Nghe vậy, bà B tưởng thật nên đã đồng ý cho T vay mượn số tiền 180.000.000 đồng, với lãi suất 10%/01 tháng, rồi T chiếm đoạt.

Tại bản Kết luận giám định số 38/GĐ ngày 20/02/2017, Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

1. Chữ viết mang tên Lê Thị Xuân T (T) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1-M5; M8-M13 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Lê Thị Xuân T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M2-M4; M6, M7 do cùng một người ký ra.

Tại bản Kết luận giám định số 39/GĐ ngày 25/02/2017, Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Chữ ký mang tên T trên tài liệu cần

giám định ký hiệu A1.1, A1.2 so với chữ ký của Lê Thị Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M11, M12, M13, M14, M16, M17 do cùng một người ký ra.

Lê Thị Xuân T đã hoàn trả cho bà B nhiều lần, với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. T còn chưa hoàn trả cho bà B với số tiền là 150.000.000 đồng.

Như vậy, Lê Thị Xuân T đã chiếm đoạt của 05 người với tổng số tiền là tiền 1.210.000.000đ (Một tỷ hai trăm mười triệu đồng).

Sau khi gây án, Lê Thị Xuân T bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định truy nã số 01/PC44 ngày 24/12/2016. Đến ngày 31/12/2016, Lê Thị Xuân T bị bắt theo Quyết định truy nã và đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã T giữ một số tài liệu, chứng từ liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Thị Xuân T. Tất cả các tài liệu, chứng từ này được lưu theo hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi chiếm đoạt tài sản, Lê Thị Xuân T đã hoàn trả cho 03 người với tổng số tiền là 318.800.000 đồng, gồm bà Nguyễn Thị Ngọc H 240.800.000 đồng, bà Phạm Thị P 48.000.000 đồng và bà Phạm Thị B 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại Lê Thị Xuân T chưa hoàn trả cho các bị hại.

Tại bản cáo trạng số 12/QĐ-KSĐT ngày 15/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Thị Xuân T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Xuân T từ 9 đến 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Xuân T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

* Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã T giữ một số tài liệu, chứng từ liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Thị Xuân T. Tất cả các tài liệu, chứng từ này được lưu theo hồ sơ vụ án, cần tiếp tục T giữ để lưu hồ sơ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, những người bị hại;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Thị Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội đó phù hợp với lời khai của những người bị hại và các tài liệu, chứng cứ T thập trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa. Đã có cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2015 đến tháng 7/2016, Lê Thị Xuân T đã dùng thủ đoạn gian dối là cần vay mượn tiền để sửa mái nhà làm công đức ở chùa,

mở quầy bán hàng Thái Lan tại nhà, mua Thuốc tân dược ở ngoài vào bán lại cho Bệnh viện Trung ương Huế, cho con gái đi du học ở Singapo và góp vốn kinh doanh kiếm lời để mọi người tin tưởng cho vay mượn tiền, rồi T chiếm đoạt để trả nợ cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân. Với thủ đoạn đó, Lê Thị Xuân T đã chiếm đoạt của 05 người, với tổng số tiền là 1.210.000.000 đồng; cụ thể: chiếm đoạt của bà Trần Thị N số tiền 60.000.000 đồng; bà Hà Thị Thanh T số tiền 260.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 424.000.000 đồng; bà Phạm Thị P số tiền 286.000.000 đồng; bà Phạm Thị B số tiền 180.000.000 đồng.

Với các hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Lê Thị Xuân T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đây là vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Tài sản chiếm đoạt được có giá trị đặc biệt lớn. Bị cáo Lê Thị Xuân T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù đã ly hôn với chồng ông Tống Phước H, là bác sĩ Bệnh viện Trung Ương Huế nhưng vẫn che giấu để mọi người tin tưởng và dùng thủ đoạn gian dối, để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo Lê Thị Xuân T đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa P. Bị cáo phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xử lý thích đáng, nghiêm minh để giáo dục và phòng ngừa.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Lê Thị Xuân T: Bị cáo đã bồi thường một phần số tiền chiếm đoạt cho những người bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 240.800.000đ; bà Phạm Thị P số tiền 48.000.000 đồng; bà Phạm Thị B số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa.

+ Về phần trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị N chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 30.000.000 đồng, bà Hà Thị Thanh T chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 150.000.000 đồng, bà Phạm Thị P đại diện cho bà Nguyễn Thị Ngọc H chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc H 100.000.000 đồng, bà Phạm Thị P chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 138.000.000 đồng, bà Phạm Thị B yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng. Xét sự tự nguyện của các người bị hại là phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần chấp nhận. Cần buộc bị cáo Lê Thị Xuân T phải bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 30.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Hà Thị Thanh T số tiền 150.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 100.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Phạm Thị P số tiền 138.000.000 đồng.

- Bồi thường cho bà Phạm Thị B số tiền 150.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho những người bị hại là 568.000.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã T giữ các tài liệu, chứng từ liên quan đến vụ án có trong hồ sơ vụ án, cần tiếp tục T giữ để lưu hồ sơ.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị Xuân T phải chịu theo luật định.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị Xuân T phải chịu trên số tiền còn phải bồi thường 568.000.000 đồng là: $20.000.000 \text{ đồng} + 168.000.000 \text{đ} \times 4\% = 20.000.000 \text{đ} + 6.720.000 \text{đ} = 26.720.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Xuân T 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 01/01/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Thị Xuân T phải bồi thường số tiền còn lại cho những người bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 30.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Hà Thị Thanh T số tiền 150.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc Hân số tiền 100.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Phạm Thị P số tiền 138.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Phạm Thị B số tiền 150.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho những người bị hại là 568.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã T giữ các tài liệu, chứng từ liên quan đến vụ án có trong hồ sơ vụ án, cần tiếp tục T giữ để lưu hồ sơ.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị Xuân T phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị Xuân T phải chịu 26.720.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do hai bên thỏa Tận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa Tận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu HSVA, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THANH LỘC